TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HD** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2023
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi conn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lại Thiện Phong và ông Lê Văn Thuyền**

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đồng Văn O, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp ST, xã VL, huyện HD, tỉnh BL

Bị đơn: Chị Mai Kiều T, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp ST, xã VL, huyện HD, tỉnh BL

(Anh O và chị Tcó mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đồng Văn O và bị đơn chị Mai Kiều T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T cùng thống nhất xác định anh chị đi đến hôn nhân là do quen biết, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phOg tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, tuy nhiên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc.

Nguyên nhân ly hôn theo anh O trình bày: do trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mai Kiều T.

Nguyên nhân ly hôn theo chị T trình bày: trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, khoảng hơn 01 năm trước chị đi nuôi cô chồng bệnh ở thành phố khoảng 1 tháng, anh O ở nhà đi chơi, uống cà phê với bạn bè rồi về nhà kiếm chuyện đòi ly hôn với chị, gia đình hai bên nhiều lần họp lại để hòa giải, khuyên nhủ nhưng anh O cũng không nghe lời, vẫn kiên quyết đòi ly hôn với chị, hiện chị và anh O không sống chung hơn 01 năm. Nay anh O yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý, vì chị không có lỗi gì để cho anh O nộp đơn ly hôn.

Về con chung: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T cùng thống nhất xác định vợ chồng chung sống có với nhau 02 người con chung tên Đồng Văn Y, sinh năm 2000 và Đồng Thị Kiều D, sinh ngày 06/6/2011. Khi ly hôn anh O và chị T xác định cháu Y đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu D có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con đối với chị T, anh O và chị T xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn bị đơn, là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh O và chị T.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đồng Thị Kiều D cho chị Mai Kiều T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Đồng Văn O được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Đồng Văn O đối với chị Mai Kiều T về việc tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con; Bị đơn chị Mai Kiều T có hộ khẩu thường trú tại huyện HD, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

[2] Về nội dung vụ án: Anh O và chị T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phOg tục tập quán tại địa phương, đến nay thì anh chị đã có con chung, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh O và chị T xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL nhưng anh O và chị T không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại công văn số 69 ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã VL xác định qua tra cứu hồ sơ lưu trữ sự kiện hộ tịch và đăng ký kết hôn thì anh O và chị T không có tên trong sổ lưu của Ủy ban nhân dân xã VL đang quản lý. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc anh O và chị T chung sống nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc anh O và chị T không đi đăng ký kết hôn giữa anh O và chị T là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa anh O và chị T không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh O yêu cầu ly hôn với chị T thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho anh O và chị T ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh O và chị T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh O và chị T thống nhất xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Đồng Văn Y, sinh năm 2000 và Đồng Thị Kiều D, sinh ngày 06/6/2011. Hiện cháu Y đã trưởng thành và có khả năng lao động nên khi ly hôn anh O và chị T không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu D hiện đang sống với chị T. Tại phiên tòa anh O và chị T thống nhất thỏa thuận giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2023 cháu D có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Mai Kiều T, nguyện vọng của cháu D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa hay ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Anh Đồng Văn O có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đồng Văn O phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010518 ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T là vợ chồng.

2/.Về con chung: Giao người con chung tên Đồng Thị Kiều D, sinh ngày 06/6/2011 cho chị Mai Kiều T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Đồng Văn O có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đồng Văn O.

3/.Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đồng Văn O phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010518 ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Đồng Văn O và chị Mai Kiều T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm